

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.14

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	HOANG DUY LUAN	男	1989-01-07	036089011600	LE 4.14	
2	TRAN THI THU HIEN	女	1988-09-12	036188016596	LE 4.14	
3	TRAN THI THANH PHUONG	女	1989-10-03	036189024786	LE 4.14	
4	LUU NGOC KHAI	男	2003-06-09	036203012120	LE 4.14	
5	HA PHUONG MAI	女	2001-10-17	036301002145	LE 4.14	
6	NGUYEN THI MY DUYEN	女	2003-11-11	036303005500	LE 4.14	
7	HOANG THI HONG HAI	女	1985-03-17	037185000729	LE 4.14	
8	NGUYEN NGOC HA	男	2002-04-19	037202004490	LE 4.14	
9	NGUYEN THI HUONG	女	2002-01-08	037302005376	LE 4.14	
10	NGUYEN THI PHUONG LUA	女	2003-04-03	037303001906	LE 4.14	
11	VU HA ANH	女	2008-09-10	037308000284	LE 4.14	
12	DAO NGAN HA	女	2008-09-12	037308008200	LE 4.14	
13	LE NGUYEN NHAT MINH	男	2008-10-27	038208030501	LE 4.14	
14	NGUYEN THI TRA MY	女	2003-05-03	038303020423	LE 4.14	
15	LE THI CAM NHUNG	女	2004-01-01	038304004135	LE 4.14	
16	TRAN HA LINH	女	2008-06-27	038308011346	LE 4.14	
17	NGUYEN HOANG CUONG	男	2001-12-13	040201016576	LE 4.14	
18	DANG TRINH VUONG VUONG	男	2008-05-08	040208000321	LE 4.14	
19	TRINH CONG HOANG	男	2009-08-03	040209023330	LE 4.14	
20	BUI THI THANH TAM	女	2001-06-14	040301018406	LE 4.14	
21	LE THAO DAN	女	2003-07-14	040303004629	LE 4.14	
22	HO THI LAN ANH	女	2003-06-07	040303017433	LE 4.14	
23	NGUYEN VAN PHU	男	2004-12-22	042204003238	LE 4.14	
24	NGUYEN HUU HOAN	男	2008-05-15	042208008402	LE 4.14	
25	PHAN THI TU ANH	女	2007-03-26	042307003624	LE 4.14	
26	DUONG PHUONG LINH	女	2008-06-25	042308008754	LE 4.14	
27	PHAM THI THANH TAM	女	2002-08-08	045302000799	LE 4.14	
28	LE THI HIEU NGAN	女	2000-10-28	049300007177	LE 4.14	
29	LUU HOANG THUY TRANG	女	2004-01-28	056304002067	LE 4.14	
30	NGUYEN VU THAO LINH	女	2003-02-02	075303000926	LE 4.14	
31	LE THI THU	女	1996-09-18	077196007130	LE 4.14	
32	NGUYEN THI KIM NGAN	女	2003-05-05	077303007961	LE 4.14	
33	NGUYEN THANH THAO	女	2001-08-28	231301000036	LE 4.14	
34	NGUYEN KHANH LY	女	2008-10-09	024308003917	LE 4.14	
35	TAN THANH NHA	女	1996-03-09	012196003533	LE 4.14	
36	BUI TIEN NGHIA	男	2003-12-26	010203000696	LE 4.14	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42520850200000037	THIEU THI VAN ANH	女	2003-05-06	025303002410	LE 5.17	
2	H42520850200000038	NGUYEN HUONG GIANG	女	2008-08-05	025308007636	LE 5.17	
3	H42520850200000039	PHAM PHUONG ANH	女	2008-09-21	025308013205	LE 5.17	
4	H42520850200000040	TRAN THI HANG	女	1999-01-31	026199002350	LE 5.17	
5	H42520850200000041	VAN THI THU HANG	女	2000-12-09	026300001402	LE 5.17	
6	H42520850200000042	NGUYEN THUY HANG	女	2003-03-08	026303003337	LE 5.17	
7	H42520850200000043	NGUYEN DUONG ANH	女	2008-08-04	026308000824	LE 5.17	
8	H42520850200000044	NGUYEN HOANG HA	女	2008-05-07	026308003343	LE 5.17	
9	H42520850200000045	HOANG THU TRANG	女	2008-04-08	026308011323	LE 5.17	
10	H42520850200000046	NGUYEN THI LUONG	女	1993-06-10	027193007598	LE 5.17	
11	H42520850200000047	NGUYEN THI HOANG YEN	女	1996-09-03	027196003762	LE 5.17	
12	H42520850200000048	CHU QUANG TUNG	男	2008-04-13	027208009910	LE 5.17	
13	H42520850200000049	NGUYEN QUE ANH	女	2001-12-20	027301001789	LE 5.17	
14	H42520850200000050	NGO THI HUYEN	男	2003-06-25	027303003995	LE 5.17	
15	H42520850200000051	HA THI HONG NGOC	女	2006-09-18	027306004220	LE 5.17	
16	H42520850200000052	NGUYEN THI THUY HUONG	女	2006-02-02	027306008455	LE 5.17	
17	H42520850200000053	NGO THI HUONG LY	女	2007-06-20	027307008193	LE 5.17	
18	H42520850200000054	NGUYEN HOAI THU	女	2008-02-16	027308007458	LE 5.17	
19	H42520850200000055	NGO PHUONG ANH	女	2008-12-06	027308008353	LE 5.17	
20	H42520850200000056	NGUYEN THI PHUONG LY	女	2008-12-15	027308010020	LE 5.17	
21	H42520850200000057	NGO TUYET MAI	女	2008-05-05	027308010970	LE 5.17	
22	H42520850200000058	NGUYEN THI KIM CHI	女	2008-08-23	027308010983	LE 5.17	
23	H42520850200000059	NGUYEN THI MINH TRANG	女	2008-11-18	02730807245	LE 5.17	
24	H42520850200000060	NGUYEN QUANG HOANG	男	2004-06-26	030204007909	LE 5.17	
25	H42520850200000061	TRAN MY ANH	女	2008-08-01	030308009388	LE 5.17	
26	H42520850200000062	NGUYEN MINH ANH	女	2008-08-28	030308013388	LE 5.17	
27	H42520850200000063	VU ANH TUAN	男	2008-07-11	031208017679	LE 5.17	
28	H42520850200000064	NGUYEN THI THOM	女	2006-04-08	031306015489	LE 5.17	
29	H42520850200000065	VU HOANG MINH CHAU	女	2008-11-28	031308004240	LE 5.17	
30	H42520850200000066	NGUYEN NGOC MINH	女	2008-10-10	031308015185	LE 5.17	
31	H42520850200000067	DAM MINH TOI	男	1995-07-10	033095012653	LE 5.17	
32	H42520850200000068	CHU THI THUY LINH	女	2003-02-09	033303007440	LE 5.17	
33	H42520850200000069	PHAM THI Y VON	女	2001-10-26	034301011549	LE 5.17	
34	H42520850200000070	NGUYEN THI NGOC	女	2003-10-01	034303000981	LE 5.17	
35	H42520850200000071	DO LAN CHI	女	2003-11-06	034303010657	LE 5.17	
36	H42520850200000072	NGUYEN THI HAI DUONG	女	2008-12-23	034308010374	LE 5.17	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42520850200000073	LUONG YEN CHI	女	2006-10-25	020306007623	LE 5.18	
2	H42520850200000074	NGUYEN HOANG BAO NGOC	女	2008-09-12	020308007205	LE 5.18	
3	H42520850200000075	NGUYEN HO TU UYEN	女	2008-10-09	020308007312	LE 5.18	
4	H42520850200000076	NGUYEN NGOC BICH	女	2008-03-16	020308007390	LE 5.18	
5	H42520850200000077	TRINH CONG MINH	男	2002-04-01	022202006369	LE 5.18	
6	H42520850200000078	BUI KIM XINH	男	2004-08-27	022204005271	LE 5.18	
7	H42520850200000079	LE THI TOAN	女	2006-06-01	022306000183	LE 5.18	
8	H42520850200000080	NGUYEN THI DUNG	女	2008-03-14	022308005101	LE 5.18	
9	H42520850200000081	LE THI LAN ANH	女	2008-04-15	022308008863	LE 5.18	
10	H42520850200000082	PHAM THI HIEN	女	1988-03-04	024188008129	LE 5.18	
11	H42520850200000083	NGO THI MAI PHUONG	女	1993-08-27	024193014518	LE 5.18	
12	H42520850200000084	NGUYEN THI THU HUONG	女	1995-05-20	024195008076	LE 5.18	
13	H42520850200000085	DONG THI HUONG	女	1996-09-26	024196004079	LE 5.18	
14	H42520850200000086	HOANG TRUNG KIEN	男	2002-06-08	024202007769	LE 5.18	
15	H42520850200000087	DO CONG THANH	男	2004-10-15	024204002808	LE 5.18	
16	H42520850200000088	THAN MINH HUNG	男	2008-10-16	024208000765	LE 5.18	
17	H42520850200000089	DOAN THI OANH	女	2003-10-22	024303005081	LE 5.18	
18	H42520850200000090	LA HUONG LAN	女	2003-03-30	024303006858	LE 5.18	
19	H42520850200000091	NGO MINH HIEN	女	2004-08-30	024304000275	LE 5.18	
20	H42520850200000092	PHI THI HUE	女	2004-07-24	024304014079	LE 5.18	
21	H42520850200000093	LUONG THI PHUONG THAO	女	2006-09-08	024306011971	LE 5.18	
22	H42520850200000094	NGUYEN DIEP CHI	女	2008-08-07	024308000274	LE 5.18	
23	H42520850200000095	DAO THI THUY LINH	女	2008-12-08	024308000343	LE 5.18	
24	H42520850200000096	THAN NHU Y	女	2008-04-07	024308009033	LE 5.18	
25	H42520850200000097	DUONG THANH HANG	女	2008-01-15	024308009054	LE 5.18	
26	H42520850200000098	NGUYEN THU HIEN	女	2008-03-01	024308009455	LE 5.18	
27	H42520850200000099	TANG DIEU LINH	女	2008-11-06	024308011007	LE 5.18	
28	H42520850200000100	GIAP THI KHANH VAN	女	2008-09-02	024308011911	LE 5.18	
29	H42520850200000101	NGHIEM VU THU HA	女	2009-10-26	024309003775	LE 5.18	
30	H42520850200000102	HA THI THANH HUYN	女	2009-05-19	024309004626	LE 5.18	
31	H42520850200000103	NGUYEN THANH HIEN	女	2009-08-25	024309009929	LE 5.18	
32	H42520850200000104	NGUYEN THU HA	女	2009-09-08	024309010231	LE 5.18	
33	H42520850200000105	DO THANH VAN	男	1999-03-31	025099008008	LE 5.18	
34	H42520850200000106	HA THI VIET HA	女	1994-03-23	025194002588	LE 5.18	
35	H42520850200000107	NGUYEN KHANH LINH	女	1999-11-24	025199008984	LE 5.18	
36	H42520850200000108	MAI TUNG LAM	男	2003-07-22	025203003772	LE 5.18	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42520850200000109	TONG DUC LONG	男	2003-08-28	001203023813	LE 5.21	
2	H42520850200000110	PHAM HUU TUAN HIEP	男	2008-12-21	001208055452	LE 5.21	
3	H42520850200000111	DAO THUY MUA	女	2002-02-21	001302017926	LE 5.21	
4	H42520850200000112	DUONG TUE MINH	女	2004-03-31	001304026268	LE 5.21	
5	H42520850200000113	HA NGOC PHUONG	女	2008-08-22	001308002247	LE 5.21	
6	H42520850200000114	NGUYEN THI TU UYEN	女	2008-03-27	001308004307	LE 5.21	
7	H42520850200000115	DO THUY DUONG	女	2008-04-11	001308008711	LE 5.21	
8	H42520850200000116	DINH NGUYEN HAI NGAN	女	2008-06-25	001308020248	LE 5.21	
9	H42520850200000117	KIEU NGOC YEN	女	2008-10-24	001308022287	LE 5.21	
10	H42520850200000118	VU MOC CAM	女	2008-07-06	001308035403	LE 5.21	
11	H42520850200000119	NGUYEN VUONG NGOC LAM	女	2008-09-10	001308048089	LE 5.21	
12	H42520850200000120	HOANG THI DU	女	2000-10-05	002300004196	LE 5.21	
13	H42520850200000121	HOANG THE DAT	男	2002-06-18	004202003918	LE 5.21	
14	H42520850200000122	NONG BICH SAM	女	2004-08-07	004304000626	LE 5.21	
15	H42520850200000123	MA THI UU	女	1998-05-27	006198004813	LE 5.21	
16	H42520850200000124	LE TRONG TIEN	男	1994-12-08	011094000448	LE 5.21	
17	H42520850200000125	NGUYEN THUY HANG	女	1999-04-03	014199005987	LE 5.21	
18	H42520850200000126	DUONG HA MANH HUNG	男	2008-06-13	015208009452	LE 5.21	
19	H42520850200000127	DANG PHU HUNG	男	2009-10-24	015209010154	LE 5.21	
20	H42520850200000128	HA NGOC GIANG MY	女	2008-02-02	015308002083	LE 5.21	
21	H42520850200000129	NGUYEN MAI HUONG	女	2008-08-07	015308003669	LE 5.21	
22	H42520850200000130	HOANG THANH THAO	女	2000-01-17	017300000970	LE 5.21	
23	H42520850200000131	HOANG DOAN TRANG	女	2003-12-02	017303006281	LE 5.21	
24	H42520850200000132	DANG VAN LUONG	男	1995-02-23	019095002830	LE 5.21	
25	H42520850200000133	VU THI THUY HOAI	女	1991-07-09	019191009196	LE 5.21	
26	H42520850200000134	NGUYEN NGUYEN	男	2009-12-08	019209006499	LE 5.21	
27	H42520850200000135	HOANG THI MAI ANH	女	2002-06-19	019302005888	LE 5.21	
28	H42520850200000136	NGUYEN THI PHUONG	女	2003-11-14	019303000865	LE 5.21	
29	H42520850200000137	BUI MAI LINH	女	2004-11-07	019304000528	LE 5.21	
30	H42520850200000138	DO NGOC LY	女	2004-08-16	019304002408	LE 5.21	
31	H42520850200000139	TRAN XUAN THU	女	2004-11-05	019304004669	LE 5.21	
32	H42520850200000140	DAO THU TRANG	女	2006-02-28	019306001001	LE 5.21	
33	H42520850200000141	BUI NGOC ANH	女	2007-10-11	019307000532	LE 5.21	
34	H42520850200000142	NGO THU HIEN	女	2008-09-13	019308001101	LE 5.21	
35	H42520850200000143	NONG THI LAN	女	2000-05-11	020300005433	LE 5.21	
36	H42520850200000144	HOANG THI HOAN	女	2004-07-13	020304000272	LE 5.21	